| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH A**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Đua
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Văn Phúc
2. Bà Trần Thị Kim Thắm

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang*** *tham gia phiên toà:* Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 thánh 8 năm 2023 giữa các đương sự:

*1/- Nguyên đơn:* Dương Thị Tuyết M, sinh năm 1994 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2B, thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

*2/- Bị đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2B, thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị Tuyết M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào năm 2013. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong công việc và chăm sóc con cái. Từ đó không tìm được tiếng nói chung, khiến hôn nhân đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh T đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn được nên chị làm đơn này yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H (nữ) sinh ngày 21/10/2012. Chị Dương Thị Tuyết M để tùy con được quyết định sống chung với cha hay mẹ, nếu con muốn sống chung với chị thì chị sẽ tiếp tục nuôi cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành, nếu con lựa chọn sống với anh T thì chị đồng ý giao cháu cho anh T nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Nguyễn Văn T dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Nguyễn Văn T đối với vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H (nữ) sinh ngày 21/10/2012 cho chị Dương Thị Tuyết M tiếp tục nuôi dưỡng, anh T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị M chưa yêu cầu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn T không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Dương Thị Tuyết M phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Dương Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn T sau một thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 25/02/2013. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T và yêu cầu giải quyết con chung; Anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại ấp 2B, thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị Tuyết M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt chị M và anh T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa chị Dương Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 25/02/2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị M và anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 không thể giải quyết được nên đã ly thân đến nay, nguyên nhân là do bất đồng trong cách chăm sóc gia đình và giáo dục con chung, chị M cho rằng anh chị không còn hợp nhau và không thể hàn gắn được nữa. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến Tòa án để hòa giải, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với anh T, cho thấy hôn nhân giữa chị M và anh T đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Dương Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Dương Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H (nữ) sinh ngày 21/10/2012. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/8/2023, cháu Nguyễn Ngọc H trình bày mong muốn là sau khi cha mẹ ly hôn, cháu muốn được sống chung với mẹ nên Tòa án ghi nhận ý kiến này. Giao cháu Nguyễn Ngọc H cho chị Dương Thị Tuyết M tiếp tục nuôi dưỡng, tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/8/2023 chị M trình bày ý kiến về nội dung vụ án, chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Nguyễn Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Dương Thị Tuyết M chưa yêu cầu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn T không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3.5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Dương Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Tuyết M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Dương Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2012 cho chị Dương Thị Tuyết M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn T không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Tuyết M phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai 0002183 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị M đã nộp xong).

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn Bảy N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Đua**